

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **108/2024/HS-PT**

Ngày: 17-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lịnh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Chơn

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý phúc thẩm số: 200/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Trương Thị Mỹ Hòe có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 189/2023/HS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Trương Thị Mỹ H, sinh năm 1975 tại huyện C, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: số 47 tổ D, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thái P và bà Huỳnh Thị T; có chồng là Lê Văn M (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2021 đến ngày 28/01/2022 được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Huỳnh Quốc N** - Luật sư Công ty TNHH P1 - Chi nhánh thành phố H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt)

*** Bị hại có kháng cáo:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: A N, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà **Bùi Thị T1** - Luật sư Văn phòng L1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4/2019, Trương Thị Mỹ H và Huỳnh Văn H1 sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian này, H1 có nói với H về việc H1 cho bà Nguyễn Thị L mượn số tiền 70.000.000đ, đã nhiều lần tìm bà L đòi tiền nhưng bà L không trả (ông H1 đã làm đơn khởi kiện bà L đến Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá vào ngày 10/01/2019). Đến khoảng 06 giờ ngày 13/4/2019, H1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68X1-157.06 chở H đến quán cà phê gần nhà của L chờ tìm L đòi tiền. Sau đó, H thấy L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68M5 - 3572 đi về hướng phường Anên liền thuê một người chạy xe ôm (không rõ tên, địa chỉ) chở chạy theo L. Khi đi gần đến cầu R, H nói đi theo L để đòi nợ nên người chạy xe ôm không tiếp tục chở H mà cho H xuống xe. Lúc này, H1 đi đến tiếp tục chở H chạy theo L. Khi đến trước công viên văn hóa A, thuộc khu phố A, phường A, thành phố R, H1 thấy L chạy xe chậm lại nên đã dừng xe để H xuống xe chạy bộ đến chặn xe L để đòi tiền. Lúc này, H xuống xe chạy bộ một đoạn khoảng 10m thì đuổi kịp L. Khi thấy xe của L ngã xuống lề đường, L bị xe đè lên người, H liền xông đến dùng chân đạp vào người L rồi dùng tay giật lấy túi xách L đang đeo trên vai. Lúc này, L liền tri hô “Cướp, Cướp” thì ông Võ Văn T2 là cán bộ Công an phường A đang làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trước cổng công viên A trông thấy vụ việc nên đến mời H, L và H1 về trụ sở Công an phường A làm việc. Qua kiểm tra, trong túi xách của L có 2.677.000đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei.

Qua điều tra, Trương Thị Mỹ H khai nhận việc để giật túi xách của Nguyễn Thị L là do ông Huỳnh Văn H1 kêu, nhưng ông H1 không thừa nhận. Do chỉ có lời khai của H nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn H1.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- Tiền Việt Nam: 2.677.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng);
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 222 màu trắng, số Imei 353708076016568 đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y7Pro 2019, màu xanh, số Imei 867615042589439 đã qua sử dụng;
- 01 (một) túi xách màu đen không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá số 77/KL-HĐĐG ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận:

- 01 (một) túi xách màu đen không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng, có giá trị là 10.000đ (mười nghìn đồng).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 222 màu trắng, số Imei 353708076016568 đã qua sử dụng có giá trị là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y7Pro 2019, màu xanh, số Imei 867615042589439 đã qua sử dụng có giá trị là 2.680.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng cộng: 2.890.000đ (hai triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Các vật chứng trên, trong giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại cho bị hại.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số:189/2023/HS-ST, ngày06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 168; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Trương Thị Mỹ H phạm tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ H 03 năm 06 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2021 đến ngày 28/01/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi tuyên bản án sơ thẩm:

- Ngày 18/9/2023, bị cáo Trương Thị Mỹ H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

- Ngày 18/9/2023, bị hại Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử đối với Huỳnh Văn H1 và xử bị cáo H theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; yêu cầu buộc bị cáo H phải bồi thường 29.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trương Thị Mỹ H có ý kiến thừa nhận cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội cướp tài sản là đúng hành vi bị cáo đã thực hiện; giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt, đồng thời cung cấp tài liệu thể hiện đã bồi thường cho bà L 29.000.000đ đúng theo yêu cầu của bà L đưa ra.

- Bị hại Nguyễn Thị L có ý kiến rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo đã nêu trong đơn kháng cáo; thừa nhận đã nhận của bị cáo H 29.000.000đ tiền bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bồi thường gì thêm; yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo H.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Huỳnh Văn H1 và việc điều tra chưa đầy đủ dẫn đến chưa đủ chứng cứ làm rõ những tình tiết liên quan đến việc định khung hình phạt đối với bị cáo H; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy Bản án hình sự sơ thẩm số:189/2023/HS-ST, ngày06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang điều tra lại.

- Người bào chữa cho bị cáo H có ý kiến: ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thật sự rất ăn năn hối cải về hành

vi phạm tội của bản thân; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 29.000.000đ; bản thân bị cáo đang bị bệnh phải điều trị kéo dài, nên bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, mà các tình tiết này khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có và chưa được áp dụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại L có ý kiến đồng ý theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu ra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Thị L rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo. Thấy rằng, việc rút kháng cáo của bị hại L là tự nguyện và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại L.

[3] Về bản án sơ thẩm:

Ngày 13/4/2019, bị cáo Trương Thị Mỹ Hùng chân đạp vào người Nguyễn Thị L, liền sau đó dùng tay giật lấy túi xách bà L đang đeo trên vai rồi định bỏ đi, bà L hô “cướp, cướp” thì có ông Võ Văn T là cán bộ Công an phường A đang làm nhiệm vụ gần đó đến can thiệp và đưa mọi người về trụ sở Công an phường làm việc. Qua kiểm tra, trong túi xách của bà L có 2.677.000đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Huawei. Kết quả điều tra xác định tài sản bị cáo H chiếm đoạt của bà L có tổng giá trị là 5.567.000đ. Do đó cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo H về tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Về kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo H:

Khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào, nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 3 năm 6 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội. Tuy nhiên, đến khi xét xử phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 29.000.000đ theo đúng yêu cầu của bị hại, mặc dù tài sản chiếm đoạt đã thu giữ và hoàn trả lại cho bị hại ngay sau khi thực hiện hành vi, đồng thời bị hại cũng không bị ảnh hưởng gì đến sức khỏe phải điều trị và tài

sản cũng không bị hư hỏng gì; bị hại có ý kiến xin giảm hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội do nhận thức phạm luật có phần hạn chế. Từ đó áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là thỏa đáng. Đồng thời thấy rằng có thể áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Về sự liên quan của ông Huỳnh Văn H1 đối với hành vi phạm tội của bị cáo H: Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo H và bị hại L, thể hiện, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo H có hành vi dùng vũ lực (dùng chân đạp vào người) đối với bà L để chiếm đoạt tài sản là do có sự tranh chấp về tiền vay mượn giữa ông H1 và bà L, ông H1 có kêu bị cáo H đi tìm bà L để đòi tiền. Tuy nhiên, không có chứng cứ xác định giữa bị cáo H và ông H1 đã bàn bạc, thống nhất sẽ dùng vũ lực đối với bà L như thế nào để chiếm đoạt tài sản, đồng thời cũng không có chứng cứ xác định ông H1 trực tiếp dùng vũ lực đối với bà L, tạo điều kiện cho bị cáo H chiếm đoạt tài sản của bà, bởi lẽ:

Trong quá trình điều tra, bà L có nhiều lời khai không thống nhất với nhau, lúc thì cho rằng bị cáo H giật túi xách của bà làm xe bà bị ngã, lúc thì cho rằng do ông H1 tác động làm xe bà bị ngã rồi bị cáo H dùng chân đạp vào người bà sau đó giật túi xách, lúc thì cho rằng bị cáo H là người đạp vào xe bà làm xe bị ngã. Cụ thể, tại biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lập ngày 13/4/2019 (bút lục 01) bà trình bày một người nam, một người nữ chạy xe áp sát, người nữ bước xuống dùng tay giật túi xách của tôi, làm xe tôi ngã; tại đơn yêu cầu khởi tố ngày 18/4/2019 thì bà lại trình bày ông H1 chạy áp sát bên trái xe tôi, bất ngờ xô đẩy xe của tôi làm ngã xe; tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2019 (bút lục 90) thì bà lại cho rằng ông H1 chạy xe đến phía sau chở một người phụ nữ, cúp đầu xe tôi, tôi dừng xe lại thì H bước xuống xe, đạp xe tôi ngã rồi H trực tiếp lấy cặp màu đen của tôi; tại biên bản lấy lời khai ngày 8/5/2019 (bút lục 88) thì bà cho rằng H1 đậu xe phía sau 1-2 mét, người phụ nữ xuống xe chạy vị trí tôi dùng chân đạp, giật túi xách; tại biên bản đối chất lập ngày 03/8/2021 (bút lục 113) thì bà lại cho rằng ông H1 dùng tay và chân xô ngã xe...

Đối với lời khai của những người làm chứng cũng chỉ cho biết chứng kiến sự việc từ lúc bị cáo H dùng chân đạp vào người bà L và giật túi xách của bà, còn diễn biến trước đó họ không nhìn thấy, không biết xe bà L do đâu bị ngã, do ai tác động. Đồng thời, họ cho biết thấy ông H1 ở cách đó một đoạn, chứ không ở ngay vị trí bị cáo H thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bà L.

Như vậy cho thấy, mặc dù nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo H có hành vi dùng vũ lực đối với bà L để chiếm đoạt tài sản là do có sự tranh chấp về tiền vay mượn giữa ông H1 và bà L, ông H1 có kêu bị cáo H đi tìm bà L để đòi tiền. Tuy nhiên, giữa bị cáo H và ông H1 không bàn bạc, thống nhất sẽ dùng vũ lực đối với bà L như thế nào để chiếm đoạt tài sản của bà, nhưng bị cáo H lại bột phát tự thực

hiện hành vi dùng vũ lực đối với bà Lê chiếm đoạt tài sản của bà, nên bị cáo H phải tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Mặt khác, để xem xét sự liên quan của ông Huỳnh Văn H1 đối với hành vi phạm tội của bị cáo H, thì Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát yêu cầu điều tra bổ sung, đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm của ông H1. Tuy nhiên, kết quả điều tra bổ sung Viện kiểm sát xác định không đủ căn cứ kết luận ông H1 đồng phạm với bị cáo H và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H. Vì vậy, do giới hạn xét xử theo truy tố của Viện kiểm sát mà pháp luật tố tụng hình sự quy định, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử và kết án bị cáo H là phù hợp.

Về xác định khung hình phạt áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo H: Từ chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bị hại L xác định được, khi sự việc xảy ra bà L đang chạy xe với tốc độ rất chậm, bị cáo H chạy bộ theo kịp và khi bà L bị ngã xe thì bị cáo dùng chân đạp vào người bà L rồi dùng tay giật túi xách của bà, hậu quả xảy ra không gây thiệt hại gì đến sức khỏe của bà L, chiếc xe cũng không bị hư hỏng gì. Như vậy, hành vi của bị cáo H không thuộc trường hợp dùng phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo H theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

Từ các phân tích trên, xét thấy không cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra lại như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, mà chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Việc sửa bản án sơ thẩm là do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, Tòa án cấp sơ thẩm không sai, không có lỗi.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 189/2023/HS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo H và bị hại L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị L.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị Mỹ H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 189/2023/HS-ST, ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ H07 (bảy) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội“Cướp tài sản“, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2021 đến ngày 28/01/2022. Như vậy bị cáo H đã chấp hành xong hình phạt tù.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 189/2023/HS-ST, ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1); **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- CQĐT TP Rạch Giá (1)
- VKS TP Rạch Giá (1)
- Tòa án TP Rạch Giá (1)
- THAHSTP Rạch Giá (1)
- THADSTP Rạch Giá (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Võ Văn Linh